

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001162

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn</i>
---------------------------------------	---------------------------------------	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110246	LƯU VĂN AN	10/02/2002	CCQ2011H		140	An	51	52	52	☒	☒
2	2120110214	NGUYỄN THANH BÌNH	03/10/2001	CCQ2011G					Cấm thi		☒	☒
3	2120110362	NGUYỄN THANH BÌNH	06/11/2002	CCQ2011H		371	Bình	58	38	46	☒	☒
4	2120110215	VÕ CƯỜNG	06/01/2002	CCQ2011G		453	Chi	51	20	32	☒	☒
5	2120110268	VÕ MINH	01/02/2002	CCQ2011H					Cấm thi		☒	☒
6	2120110313	HUỖNH THANH DUY	26/08/2002	CCQ2011J		298	Duy	72	58	64	☒	☒
7	2120110248	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	11/06/2002	CCQ2011H		371	Đạt	57	37	45	☒	☒
8	2120110216	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	07/10/2002	CCQ2011G		453	Đạt	51	23	34	☒	☒
9	2120120212	HUỖNH THANH DIỆP	04/08/2000	CCQ2011H							☒	☒
10	2120110217	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	05/11/2002	CCQ2011G		298	giang	84	51	64	☒	☒
11	2120110218	HUỖNH VĂN HẢI	23/02/2002	CCQ2011G		371	Hải	45	32	38	☒	☒
12	2120110220	NGUYỄN THÁI HIỆP	29/10/2001	CCQ2011G		453	Hiệp	48	37	40	☒	☒
13	2120110219	NGUYỄN VĂN HIẾU	29/03/2002	CCQ2011G		140	Hieu	48	24	34	☒	☒
14	2120110222	NGUYỄN VĂN HÙNG	28/07/2002	CCQ2011G		298	Hùng	52	39	44	☒	☒
15	2120110223	NGUYỄN DUY KHA	03/01/2002	CCQ2011G		371	Kha	67	43	53	☒	☒
16	2120110250	NGUYỄN HOÀNG KHANG	26/07/2002	CCQ2011H					Cấm thi		☒	☒
17	2120110224	NGUYỄN VĂN KHÔI	10/06/2000	CCQ2011G					Cấm thi		☒	☒
18	2120110365	NGUYỄN THỊ LY	12/12/2002	CCQ2011H		298	Ly	63	70	67	☒	☒
19	2120110225	TRẦN THỊ XUÂN MAI	01/02/2002	CCQ2011G		371	Xuân	63	49	55	☒	☒
20	2120110251	CHU HOÀNG NAM	19/06/2002	CCQ2011H		453	Nam	60	41	49	☒	☒

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001162

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

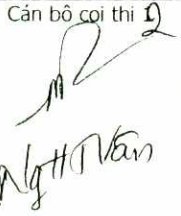
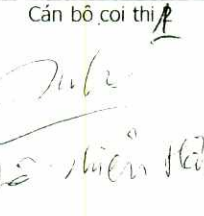
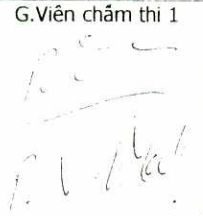
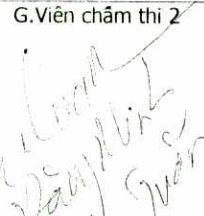
Giờ: **12:30**

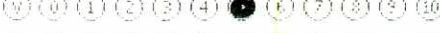
Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Văn	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	NAM	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110271	ĐÌNH TẤN	NAM	25/12/2002	CCQ2011H		140		50	30	38		
22	2120110366	VŨ THANH	NAM	16/08/2002	CCQ2011H		298		62	65	64		
23	2120110367	NGUYỄN ĐÌNH	NGHĨA	28/12/2002	CCQ2011H		371		81	84	86		
24	2120110252	KIỀU TÂY	NGUYỄN	14/02/2002	CCQ2011H		453		65	35	47		
25	2120110229	LÊ VĂN	NGUYỄN	18/11/2001	CCQ2011G		140		82	38	56		
26	2120110228	QUÁCH TRUNG	NGUYỄN	04/09/2002	CCQ2011G		298		79	55	65		
27	2120110230	NGUYỄN ĐÌNH	NHẬT	02/02/2002	CCQ2011G								
28	2120170704	NGUYỄN HỮU	NHẬT	14/11/2001	CCQ2011G		453		76	25	33		
29	2118110291	TRẦN MINH	NHẬT	06/12/1999	CCQ1811D		140		55	38	45		
30	2120110369	NGUYỄN KIM	PHI	24/05/2002	CCQ2011H								
31	2120110358	NGUYỄN HUỖNH TẤN	PHONG	05/08/2002	CCQ2011G		371		73	33	40		
32	2120110254	NGUYỄN	PHÚ	19/04/2002	CCQ2011H		453		64	69	67		
33	2120110256	ĐÀO THÀNH	QUAN	17/07/2002	CCQ2011H		140		51	37	43		
34	2118110299	NGUYỄN MINH	QUÂN	17/02/2000	CCQ1811D		298		61	52	56		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001163

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: 28...
Số bài thi: 28...
Số tờ giấy thi: 28...

Cán bộ coi thi 1 <i>Phong Thi Nhàn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phan Thị Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan Thị Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phan Thị Văn</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110231	TRẦN MINH QUÂN	21/10/2002	CCQ2011G		371	<i>Quân</i>	61	51	55	☒	☒
2	2120110257	NGUYỄN HOÀNG QUI	19/02/2002	CCQ2011H		453	<i>Qui</i>	56	57	52	☒	☒
3	2120110275	NGUYỄN HOÀNG SANG	30/01/2002	CCQ2011H		140	<i>Sang</i>	59	57	58	☒	☒
4	2120110393	NGUYỄN THANH SANG	12/11/2002	CCQ2011H		298	<i>Sang</i>	50	36	42	☒	☒
5	2119110262	TRƯƠNG ĐÌNH SĨ	09/04/2001	CCQ1911H		371	<i>Sy</i>	56	51	53	☒	☒
6	2118110148	ĐƯƠNG VĂN SÓM	20/02/2000	CCQ1811B					Cấm thi		☒	☒
7	2120110232	NGÔ HIẾU SON	17/09/2002	CCQ2011G		140	<i>Son</i>	66	38	49	☒	☒
8	2120110233	NGUYỄN TRỌNG TÀI	16/03/2002	CCQ2011G		298	<i>Tai</i>	71	57	59	☒	☒
9	2120110359	ĐẶNG NGỌC TẤN	27/02/1999	CCQ2011G		371	<i>Tan</i>	61	56	58	☒	☒
10	2120110234	BÙI QUANG THANH	07/06/2002	CCQ2011G		453	<i>Thanh</i>	49	46	47	☒	☒
11	2120110258	TRƯƠNG NGỌC THANH	28/02/2002	CCQ2011H		140	<i>Thanh</i>	43	57	47	☒	☒
12	2120110235	NGUYỄN THỊ THẢO	08/07/2002	CCQ2011G		298	<i>Thao</i>	57	57	53	☒	☒
13	2120110129	PHƯƠNG THỊ BÍCH	21/05/2002	CCQ2011D		371	<i>Bich</i>	72	60	65	☒	☒
14	2120110236	LÊ ĐÌNH THỌ	14/10/2002	CCQ2011G		153	<i>Tho</i>	63	43	51	☒	☒
15	2119110268	VI QUỐC TIẾN	18/03/2001	CCQ1911H		140	<i>Tien</i>	60	32	43	☒	☒
16	2120110239	NGUYỄN QUỲNH NGỌC TRÂM	23/07/2002	CCQ2011G		298	<i>Tram</i>	70	33	48	☒	☒
17	2120110370	NGUYỄN BẢO TRÂN	14/09/2002	CCQ2011H		371	<i>Tran</i>	56	45	49	☒	☒
18	2120110240	ĐÌNH CÔNG TRÍ	16/08/2001	CCQ2011G		453	<i>Tri</i>	57	56	56	☒	☒
19	2120110241	TRẦN HỮU TRÍ	13/05/2002	CCQ2011G					Cấm thi		☒	☒
20	2120240145	NGUYỄN THỊ THẢO TRỌN	14/02/2002	CCQ2011G		298	<i>Thao</i>	66	42	52	☒	☒

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001163

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Tin) (224017) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110263	HOÀNG NGỌC NHẬT	TRƯỜNG	08/09/2002	CCQ2011H	371	<i>[Signature]</i>	56	42	48	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120110242	NGUYỄN ĐĂNG	TRƯỜNG	06/02/2002	CCQ2011G	153	<i>[Signature]</i>	56	29	40	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120110264	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	10/06/2002	CCQ2011H	140	<i>[Signature]</i>	50	21	33	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120110265	LÊ CÔNG TUẤN	TÚ	30/07/2002	CCQ2011H				<i>Cán thi</i>		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120110360	PHẠM QUỐC	TÚ	15/05/2002	CCQ2011G	371	<i>[Signature]</i>	81	58	67	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120110266	LÊ THẾ	TỰ	23/10/2001	CCQ2011H				<i>Cán thi</i>		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2120110243	TRẦN THANH	TUẤN	06/02/2002	CCQ2011G	140	<i>[Signature]</i>	53	44	48	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120110244	ĐỖ XUÂN	TÙNG	05/05/2002	CCQ2011G				<i>Cán thi</i>		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120110139	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	31/03/2001	CCQ2011D	371	<i>[Signature]</i>	80	69	73	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120110140	NGUYỄN TRIỆU	VĨ	18/04/2002	CCQ2011D	453	<i>[Signature]</i>	88	63	73	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120110276	VÕ MINH	VIỆT	18/06/2002	CCQ2011H	140	<i>[Signature]</i>	71	59	64	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2119110353	TRỊNH QUANG	VINH	24/07/1998	CCQ1911H	298	<i>[Signature]</i>	80	81	81	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120110278	HÀ QUANG	VŨ	05/10/2002	CCQ2011H	371	<i>[Signature]</i>	58	34	43	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi